

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THỦY SẢN - NGOẠI THƯƠNG

THÔNG TƯ liên Bộ Thủy sản - Ngoại thương số 5-TT/LB ngày 8-6-1987 hướng dẫn việc thi hành một số điểm về xuất khẩu thủy sản theo Chỉ thị số 96-CT ngày 28-3-1987 và văn bản số 466-V2 ngày 29-4-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Ngày 28-3-1987 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Chỉ thị số 96-CT về việc đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu thủy sản phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1987 và kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Theo đề nghị của Bộ Thủy sản, các Giám đốc Sở Thủy sản và các ngành liên quan (tại cuộc họp ngành Thủy sản ngày 28 - 29-4-1987) Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra văn bản số 466-V2 ngày 29-4-1987 sửa đổi và bổ sung điểm 5 của Chỉ thị số 96-CT.

Liên Bộ Thủy sản - Ngoại thương hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

1. Về tỷ lệ kết hối ngoại tệ cho Trung ương.

Văn bản số 466-V2 bổ sung, sửa đổi như sau: «Chỉ thị số 96-CT quy định tỷ lệ kết hối ngoại tệ cho Trung ương bình quân là 40%, các mặt hàng đặc sản là 45%. Nay nói rõ: từ nay đến hết năm 1987, địa phương và ngành Thủy sản có nghĩa vụ đóng góp cho Trung ương 20%, miễn thanh toán lại bằng tiền Việt Nam; từ 20% đến 25% còn lại Trung ương sẽ thanh toán bằng vật tư xăng dầu, thiết bị, máy móc, hàng tiêu dùng thiết yếu. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cân đối, kê cả ứng trước số vật tư, hàng hóa này cho ngành Thủy sản trong kế hoạch. Trường hợp các cơ quan chức năng ở Trung ương không cân đối đủ và không đáp ứng kịp thời, thì ngành Thủy sản được dành số ngoại tệ này để nhập hàng hóa vật tư nói trên bảo đảm sản xuất và đời sống ngư dân».

Liên Bộ hướng dẫn:

a) Các mặt hàng đặc sản gồm tôm, mực, yến sào, điệp vây, bóng cá, các đơn vị và địa phương có nghĩa vụ đóng góp cho Trung ương 20% số ngoại tệ thu được theo giá xuất khẩu FOB miễn thanh toán lại bằng tiền Việt Nam.

b) Các mặt hàng cá và thủy sản khác các đơn vị và địa phương có nghĩa vụ đóng góp cho Trung ương 10%. Số ngoại tệ thu được theo giá xuất khẩu FOB miễn thanh toán lại bằng tiền Việt Nam.

Tỷ lệ đóng góp nghĩa vụ nói trên là trích trên giá trị ngoại tệ của thủy sản xuất khẩu thu được (theo giá xuất khẩu FOB) bao gồm sản phẩm trong chỉ tiêu kế hoạch, vượt kế hoạch hoặc Nhà nước chưa giao kế hoạch.

c) Số lượng vật tư, hàng hóa Nhà nước cân đối và kê cả ứng trước cho ngành Thủy sản để thu thêm từ 20 đến 25% ngoại tệ thu được do xuất khẩu thủy sản phải thực hiện nguyên tắc mua và bán, thanh toán bằng ngoại tệ, theo giá của Bộ,

Ngoại thương thông báo trong từng thời điểm của thị trường quốc tế và trên chứng từ thực tế mà các cơ quan vật tư Nhà nước giao cho ngành Thủy sản.

d) Trường hợp Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan chức năng ở trung ương không cân đối đủ và không đáp ứng kịp thời thì chậm nhất là cuối tháng 6 năm 1987 phải làm thủ tục xác nhận ngay đề Bộ Ngoại thương duyệt kế hoạch nhập khẩu cho các đơn vị thuộc ngành Thủy sản.

2. Những trường hợp được miễn kết hối.

Chỉ thị số 93-CT quy định: « Các mặt hàng mới sản xuất và xuất thủ như rong câu... được miễn kết hối ». Liên Bộ hướng dẫn cụ thể như sau:

Ngoài mặt hàng mới sản xuất và xuất thủ như rong câu được miễn kết hối ngoại tệ cho Trung ương, các mặt hàng mới khác sản xuất đề xuất khẩu phải xin phép Bộ Ngoại thương mới được miễn hoặc giảm kết hối ngoại tệ.

3. Những trường hợp được miễn hoặc giảm kết hối.

Đối với các mặt hàng xuất khẩu thủy sản đầu tư bằng vốn vay nước ngoài, văn bản số 466-V2 quy định: « được miễn hoặc giảm kết hối từ 2 đến 3 năm như tinh thần điều 6 của Quyết định số 177-HĐBT ngày 15-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng ». Liên Bộ hướng dẫn:

a) Điều 6 của Quyết định số 177-HĐBT ngày 15-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng đã quy định: « đối với hàng xuất khẩu do địa phương hoặc tổ chức kinh tế thuộc các Bộ đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngoại tệ tự có hoặc vay của Ngân hàng Ngoại thương, hoặc vay bên ngoài và chịu trách nhiệm trả nợ thì địa phương hoặc

tổ chức kinh tế Trung ương được miễn hoặc giảm phần kết hối ngoại tệ cho Trung ương từ 2 đến 3 năm đầu đối với phần sản phẩm xuất khẩu do mới đầu tư xây dựng đem lại ».

b) Khi xây dựng công trình đầu tư cho xuất khẩu thủy sản, các đơn vị đầu tư ngoài việc báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì phải báo cáo với Bộ Ngoại thương về việc thực hiện đầu tư vào cơ sở sản xuất, và đề nghị được miễn giảm kết hối ngoại tệ. Báo cáo cần nói rõ tổng số vốn đầu tư bằng vốn ngoại tệ, bằng vốn tự có, vốn vay, tổ chức cho vay vốn, thời hạn trả nợ vốn vay. Thời gian bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu; giá trị và sản phẩm từng thời kỳ kế hoạch. Báo cáo của đơn vị phải được cơ quan chủ quản là Bộ hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố duyệt.

c) Việc xét duyệt mức và thời hạn miễn giảm, văn bản số 466-V2 quy định « giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thủy sản, Bộ Ngoại thương ». Vì vậy, từ nay trở đi tất cả mọi công trình đầu tư để sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu, thuộc hệ thống ngành Thủy sản quản lý hay ngành khác quản lý cũng phải báo cáo các Bộ nói trên, Bộ Ngoại thương mới ra văn bản chấp nhận việc miễn hay giảm kết hối ngoại tệ cho Trung ương sau khi đã có ý kiến của các ngành trên.

4. Về xuất khẩu.

a) Chỉ thị số 96-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định: « Để bảo đảm thực hiện được nhiệm vụ và quản lý xuất khẩu, từ nay các địa phương và các ngành có sản phẩm thủy sản xuất khẩu đều tập trung giao cho Công ty xuất khẩu thủy sản Trung ương (Seaprodex) xuất ».

b) Đề bảo đảm uy tín quốc tế phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng các mặt hàng xuất khẩu theo Quyết định số 169-CT của

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 23-6-1983. Nhân hiệu bao bì xuất khẩu về nguyên tắc phải được đăng ký cấp Nhà nước. Phải nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ thuật bao bì, từng bước thống nhất nhân hiệu. Cấm xuất khẩu những mặt hàng mang nhân hiệu chưa đăng ký và lạm dụng nhân hiệu của tổ chức khác. Trường hợp phải dùng nhân hiệu bao bì theo yêu cầu của khách nước ngoài, thì phải được xác nhận của Bộ Ngoại thương để thông báo cho Hải quan biết.

5. Về nhập khẩu.

Đề bảo đảm cho ngành Thủy sản đầu tư tái sản xuất mở rộng, các đơn vị, địa phương cần có kế hoạch nhập vật tư và một số hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho sản xuất của ngành Thủy sản và đời sống ngư dân.

Về tỷ lệ nhập hàng tiêu dùng, văn bản số 466 - V2 quy định: « đồng ý cho ngành Thủy sản (thông qua Seaprodex) áp dụng tỷ lệ theo quy định chung, không quá 30% tổng số hàng nhập, kể cả các mặt hàng cao cấp ngư dân có yêu cầu; trường hợp ngành Nội thương, Ngoại thương có số hàng tiêu dùng này, nếu đồng ý bán lại thì ngành Thủy sản sẽ mua bằng ngoại tệ theo giá nhập (không lấy lãi). Nếu không có và còn thiếu thì ngành Thủy sản được nhập cho đủ».

Công ty Xuất khẩu thủy sản có trách nhiệm bàn bạc với các địa phương, đơn vị trong việc nhập vật tư và một số hàng tiêu dùng thiết yếu để cung ứng kịp thời phục vụ cho sản xuất, đời sống ngư dân. Các địa phương và đơn vị sản xuất kinh doanh căn cứ vào nhu cầu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu cho ngành Thủy sản thuộc phạm vi mình quản lý lập kế hoạch nhập khẩu chung của địa phương và ngành đề trình Nhà nước duyệt.

6. Thời điểm thi hành:

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1987. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K. T. Bộ trưởng
Bộ Ngoại thương
Thứ trưởng
ĐINH PHÚ ĐỊNH

K. T. Bộ trưởng
Bộ Thủy sản
Thứ trưởng
VÕ VĂN TRÁC

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 101-TC/ĐT ngày 20-3-1987 ban hành Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 61-CP ngày 29-3-1974 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 90-CP ngày 18-4-1978 của Hội đồng Chính phủ và Nghị định số 132-HĐBT ngày 13-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản;

Căn cứ Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy định tạm thời về quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở và giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính ban hành